BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 594 /QĐ-BKHCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1118
ĐẾN Ngày: 08/4/16
Chuyển: Thang Lưu trữ

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt chuẩn đo lường quốc gia, chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1361/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch và phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mười một (11) chuẩn đo lường quốc gia sau đây:

1. Chuẩn quốc gia dòng điện một chiều

- Đại lượng đo: Cường độ dòng điện;
- Số hiệu:V07.05;
- Nơi sản xuất: Ohm-Labs, Inc. 611 E. Carson Street, Pittsburgh, PA 15203-1021, Mỹ;
- Năm sản xuất: 2012;
- Ký mã hiệu và đặc trưng kỹ thuật:

+ Current ShuntCS - 0.1: giá trị thể hiện: 100,000 mA; độ không đảm bảo đo: $U = 8 \times 10^{-6}$;

+ Current ShuntCS – 1: giá trị thể hiện:1,000 00A; độ không đảm bảo đo: $U = 7 \times 10^{-6}$.

2. Chuẩn quốc gia cường độ sáng

- Đại lượng đo: Cường độ sáng;
- Số hiệu:V11.01;
- Nơi sản xuất: hãng Osram, Đức;
- Năm sản xuất: 2009;
- Ký mã hiệu và đặc trưng kỹ thuật:

+ Wi41/G 0030: dòng điện 5,9374 A, điện áp 31,08 V, nhiệt độ màu 2856 K, cường độ sáng 289,2 cd; Độ không đảm bảo đo U = 1,0 %;

+ Wi41/G 0031: dòng điện 5,9132 A, điện áp 30,82 V, nhiệt độ màu 2856 K, cường độ sáng 290,1 cd; Độ không đảm bảo đo U = 1,0 %;

+ Wi41/G 0037: dòng điện 5,9377 A, điện áp 30,99 V, nhiệt độ màu 2856 K, cường độ sáng 280,2 cd. Độ không đảm bảo đo U = 1,0 %.

3. Chuẩn quốc gia hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng thể tích xăng dầu

- Đại lượng đo: Lưu lượng thể tích chất lỏng;
- Số hiệu: V05.06;
- Ký mã hiệu: CQG-LLTTXD-02;
- Nơi sản xuất: Viện Đo lường Việt Nam, Việt Nam;
- Năm sản xuất: 2002;
- Lưu lượng lớn nhất (Q_{max}): 150 m^3/h;
- Độ không đảm bảo đo: U = 0,08 %.

4. Chuẩn quốc gia hệ thống thiết bị chuẩn lưu lượng khối lượng nước

- Đại lượng đo: Lưu lượng khối lượng chất lỏng;
- Số hiệu: V05.05;
- Ký mã hiệu: CQG-LLKLN-11;
- Nơi sản xuất: Viện Đo lường Việt Nam, Việt Nam;
- Năm sản xuất: 2011;
- Phạm vi đo: (0 ÷ 10) kg/s;
- Độ không đảm bảo đo: U = 0,05%.

5. Chuẩn quốc gia máy chuẩn lực đến 100 kN

- Đại lượng đo: Lực;
- Số hiệu: V03.TB1.20;
- Ký mã hiệu: 100kN/1000 kN-LA-KS;
- Nơi sản xuất: GTM, Đức;
- Năm sản xuất: 2013;
- Phạm vi đo: (1 ÷ 100) kN;
- Độ không đảm bảo đo: $U = 2 \times 10^{-5}$.

6. Chuẩn quốc gia khối lượng riêng chất lỏng

- Đại lượng đo: Khối lượng riêng chất lỏng;
- Số hiệu: V06.02;
- Ký mã hiệu: Density MeterDA-650;
- Nơi sản xuất: Kyoto Electronics Manufacturing Co., Ltd. (KEM), Nhật Bản;
- Năm sản xuất: 2011;
- Phạm vi đo: (0÷ 3000) kg/m^3;
- Độ không đảm bảo đo: U = (0,02 ÷ 0,05) kg/m^3.

7. Chuẩn quốc gia nhớt kế mao quản chuẩn

- Đại lượng đo: Độ nhớt động học;
- Số hiệu:V06.01;
- Ký mã hiệu: Master Ubbelohde;
- Nơi sản xuất: Poulten Selfe & Lee Ltd. (PSL), Anh;
- Năm sản xuất: 2010;
- Phạm vi đo: (0,3 ÷ 10 000) mm^2/s;
- Độ không đảm bảo đo: U = (0,19÷ 0,32) %.

8. Chuẩn quốc gia điện áp xoay chiều

- Đại lượng đo: Điện áp xoay chiều;
- Số hiệu: V07.06;
- Ký mã hiệu: Single Junction Thermal Converter;
- Nơi sản xuất: Viện Đo lường Úc, Úc;
- Năm sản xuất: 2001;
- Giá trị thể hiện: Điện áp: 4,000 00 V (tại tần số f = 1 kHz); Độ chênh lệch chuyển đổi $\delta_{AC\text{-}DC\ difference}$ = 20 ppm ;
- Độ không đảm bảo đo: U = 5 $\times 10^{-6}$.

9. Chuẩn quốc gia suy giảm tần số cao

- Đại lượng đo: Suy giảm tần số cao;
- Số hiệu: V08.03;
- Ký mã hiệu: Agilent 8494B, 8496B và hệ thống N5531S (bao gồm: E4440A, N1912A, N5532B);
- Nơi sản xuất: Agilent, Mỹ ;
- Năm sản xuất: 2011;
- Phạm vi đo: 10 MHz ÷ 18 GHz; 1 dB ÷ 10 dB; 10 dB ÷ 100 dB
- Độ không đảm bảo đo: U = 0,06 dB.

10. Chuẩn quốc gia áp kế piston đo áp suất chênh áp

- Đại lượng đo: Áp suất;
- Số hiệu: V04.TB1.21; V04.TB1.22;
- Ký mã hiệu: PG7202/898; PG7202/899;
- Nơi sản xuất: Mỹ;
- Năm sản xuất: 2010;
- Phạm vi đo: (0 ÷ 20) Mpa;
- Độ không đảm bảo đo: U = 0,006 %.

11. Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia về dung tích

- Đại lượng đo: Dung tích;
- Số hiệu:V05.01;
- Ký mã hiệu: CQG-DT-13;
- Nơi sản xuất: Viện Đo lường Việt Nam, Việt Nam;
- Năm sản xuất: 2013;
- Phạm vi đo: (0,001 ÷ 500) L;
- Độ không đảm bảo đo: $U = 4 \times 10^{-5}$.

Điều 2. Chỉ định Viện Đo lường Việt Nam (Địa chỉ: số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 04.38363242; Fax: 04.37564260) giữ các chuẩn đo lường quốc gia quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Viện trưởng Viện Đo lường Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Đo lường Việt Nam;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Việt Thanh